TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 774/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 25-6-2019.
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN GÒ VẤP – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Đình Tiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thành Viên.

2. Ông Lê Bá Hợp.

- Thư ký phiên tòa*:* Ông Phan Hoàng Đạt – Thư ký Tòa án nhân dân quận Gò Vấp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Hải Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 324/2019/TLST-HNGĐ, ngày 19 tháng 3 năm 2019 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Kim D, sinh năm 1958; Địa chỉ: Số 416/11/10 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận G, Thành phố H (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Bành Nghiệp Q, sinh năm 1959; Địa chỉ: Số 416/11/10 đường Dương Quảng Hàm, Phường 5, quận G, Thành phố H (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/3/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D trình bày:

Bà và ông Bành Nghiệp Q kết hôn vào năm 1982, đăng ký kết hôn tại UBND Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội. Hạnh phúc gia đình đến năm 1996 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông Q không chung thủy, không quan tâm chăm sóc con cái, hai người đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay. Nay bà nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, nên bà xin ly hôn với ông Q để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có hai con chung tên Bành Đức Anh, sinh ngày 05/01/1984 và Bành Kiều Anh, sinh ngày 03/01/1996 (đã trưởng thành).

Về tài sản chung, nợ chung bà khai không có.

Bị đơn ông Bành Nghiệp Q mặc dù đã được tống đạt hợp lệ vẫn không đến Tòa án, do đó Tòa án không tiến hành lấy lời khai cũng như tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và tiến hành hòa giải được. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Gò Vấp:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 BLTTDS trong quá trình giải quyết vụ án. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên toà sơ thẩm.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên toà hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đúng các Điều 70 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho nguyên đơn bà Phạm Thị Kim D được ly hôn với ông Bành Nghiệp Q. Về con chung, tài sản chung, nợ chung không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án:

Yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Kim D đối với ông Bành Nghiệp Q là quan hệ tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về người tham gia tố tụng:

Nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà D ông Q là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của đương sự:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn 1578, do UBND quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội cấp cho ông Q, bà D ngày 05/3/1982 đã xác định quan hệ hôn nhân giữa ông

Q và bà D là quan hệ hôn nhân hợp pháp được điều chỉnh bởi Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Bà D yêu cầu được ly hôn với ông Q vì cho rằng do ông Q không chung thủy, không quan tâm chăm sóc con cái, hai người đã sống ly thân từ năm 2012 cho đến nay cho đến nay.

Ông Q đã được Tòa án triệu tập nhiều lần đến Tòa để tiến hành hòa giải đoàn tụ gia đình, nhưng ông Q vẫn không đến Tòa án theo giấy triệu tập, cũng không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà D. Điều này thể hiện ông Q không quan tâm đến chuyện hàn gắn tình cảm vợ chồng, bỏ mặc cho Tòa án giải quyết.

Xét thấy hôn nhân là sự tự nguyện, mục đích của hôn nhân là xây dựng một gia đình ấm no, hạnh phúc, bền vững, là sự nỗ lực phấn đấu, xây dựng của cả hai bên vợ chồng. Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình. Nhưng giữa bà D và ông Q đã không còn sống chung với nhau. Nay bà D kiên quyết xin ly hôn cho thấy hôn nhân giữa bà D và ông Q đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà D yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Q là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận.

Về con chung: Do hai con chung tên Bành Đức Anh, sinh ngày 05/01/1984 và Bành Kiều Anh, sinh ngày 03/01/1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát về việc chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là có cơ sở.

Án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng bà D chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Kim D đối với ông Bành Nghiệp Q.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị Kim D được ly hôn với ông Bành Nghiệp Q (Giấy chứng nhận kết hôn 1578, do UBND quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội cấp cho ông Q, bà D ngày 05/3/1982 không còn giá trị).

- Về con chung: Do hai con chung tên Bành Đức Anh, sinh ngày 05/01/1984 và Bành Kiều Anh, sinh ngày 03/01/1996 đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà D khai không có, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng bà D chịu, được cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí bà D đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0000277 ngày 19/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp. Bà D đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.Gò Vấp;
- CCTHADS Q.Gò Vấp;
- UBND quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Tiến